

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về du lịch tại các địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Du lịch Việt Nam;
- Các Sở VH-TT-DL, Sở VH-TT-TT-DL, Sở DL các tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCDL, VNCPTDL (250).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển du lịch tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và ban hành Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng được nêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu được nêu tại Nghị quyết số 50/NQ-CP trong lĩnh vực du lịch.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên phát triển du lịch Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2025 phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của toàn ngành du lịch, các ngành liên quan, các địa phương, doanh nghiệp và người dân để tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, từng bước đưa Việt Nam trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, thuộc nhóm 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Chương trình hành động phải quyết liệt, chủ động, thực chất và hiệu quả.

- Sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai Chương trình hành động.

- Căn cứ các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình hành động, các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các nhiệm vụ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thực hiện

1.1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển du lịch trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

a. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện.

b. Xây dựng Kế hoạch hành động của ngành du lịch triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c. Trình Chính phủ ban hành Nghị định về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia trong năm 2021 và triển khai thực hiện sau khi được ban hành; hướng dẫn địa phương xây dựng quy định về mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch.

d. Hoàn thành lập “Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch.

đ. Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ an toàn, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, môi trường và dịch bệnh tại các khu, điểm du lịch.

g. Xây dựng, ban hành quy định và hướng dẫn áp dụng một số mô hình kinh tế mới trong lĩnh vực du lịch: kinh tế chia sẻ, kinh tế du lịch ban đêm, kinh tế tuần hoàn; tiêu chuẩn, quy định quản lý đối với kinh doanh loại hình du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch mạo hiểm và một số loại hình du lịch mới.

h. Kiện toàn tổ chức, bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; thống nhất, kiện toàn mô hình tổ chức quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp xúc tiến quảng bá du lịch của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

i. Đề xuất ban hành chính sách ưu đãi đầu tư cho các doanh nghiệp du lịch và hỗ trợ nguồn lực cho người dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn, đảm bảo triển khai có hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

k. Tổ chức khảo sát, sơ kết 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 vào năm 2025.

1.2. Ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, công nghệ số trong ngành du lịch

a. Chú trọng thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành du lịch, góp phần hoàn thành mục tiêu “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

b. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về du lịch; thực hiện điều tra, đánh giá, phân loại và số hoá tài nguyên du lịch Việt Nam; hình thành hệ thống thông tin số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch; xây dựng hệ thống thông tin số về thị trường du lịch Việt Nam; thống nhất công tác thống kê du lịch ở Trung ương và địa phương.

c. Xây dựng và triển khai các đề án, dự án phát triển du lịch thông minh, mô hình quản lý điểm đến du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch; hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch.

d. Tăng cường ứng dụng công nghệ xanh, sạch trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ và cơ sở lưu trú du lịch.

1.3. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch

a. Đề xuất Chính phủ ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông kết nối của một số khu du lịch quốc gia tại các khu vực động lực phát triển du lịch; Các tỉnh/thành phố nằm trong khu vực động lực phát triển du lịch có khu du lịch quốc gia chủ động đề xuất, bố trí nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển khu du lịch quốc gia.

b. Đề xuất Chính phủ chú trọng đầu tư hạ tầng kết nối giao thông quan trọng như hạ tầng đường bộ ven biển, đường biển; hạ tầng sân bay, kết nối các đường bay quốc tế, giờ bay phù hợp đến các tỉnh phát triển du lịch; đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kết nối giữa các vùng và hạ tầng của một số vùng khó khăn như miền núi phía Bắc, miền Trung - Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, tạo thuận lợi cho phát triển du lịch.

c. Đề xuất Chính phủ và các địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại các địa phương có tiềm năng du lịch ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại một số tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung - Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long.

d. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ du lịch để hình thành các cụm du lịch đồng bộ, chất lượng, có quy mô lớn, đẳng cấp quốc tế.

1.4. Phát triển sản phẩm du lịch và quản lý chất lượng dịch vụ du lịch

a. Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao: du lịch văn hoá; du lịch sinh

thái, du lịch đô thị; du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; thí điểm phát triển sản phẩm du lịch tới các đảo xa bờ.

b. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của mỗi địa phương, mỗi vùng, phù hợp với lợi thế tài nguyên du lịch, đảm bảo kết nối với hệ thống sản phẩm du lịch của vùng và quốc gia. Đặc biệt, ưu tiên khai thác có hiệu quả các giá trị văn hoá đặc trưng, nổi trội của mỗi địa phương, ưu tiên công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử, truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững; chú trọng khai thác thế mạnh ẩm thực đa dạng, đặc sắc của từng địa phương, từng vùng để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, có lợi thế cạnh tranh, góp phần tạo dựng thương hiệu nổi bật của từng địa phương, từng vùng.

c. Hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch công nghiệp; du lịch chăm sóc sức khoẻ; du lịch cộng đồng gắn với các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch về đêm tại các đô thị, trung tâm du lịch, các khu du lịch, điểm du lịch đông khách du lịch; phát triển các loại hình du lịch thể thao có tiềm năng, thế mạnh phát triển tại Việt Nam.

d. Khuyến khích phát triển du lịch theo mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn tại các khu du lịch, điểm du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

đ. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, bảo đảm chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

1.5. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch phục hồi, phát triển trong bối cảnh tác động của đại dịch

a. Đề xuất ban hành và triển khai kịp thời các giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính, tín dụng (hỗ trợ tài chính, miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi, giãn nợ, khoan nợ...), chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo nhân lực để hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân tham gia kinh doanh du lịch duy trì hoạt động, vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19.

b. Hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia kinh doanh du lịch đổi mới mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm mới, xúc tiến quảng bá du lịch, phục hồi và phát triển thị trường du lịch.

c. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực du lịch; đề xuất giảm phí, lệ phí các thủ tục, giảm tiền ký quỹ kinh doanh đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thị trường lao động du lịch bền vững

a. Xây dựng, triển khai Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn nhân lực du lịch Việt Nam và Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Việt Nam đến năm 2025.

b. Chú trọng nâng cao chất lượng nhân lực du lịch của các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ. Xây dựng, triển khai Chương trình bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho lực lượng lao động nghề du lịch.

c. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực tham mưu quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, nhân lực quản trị doanh nghiệp du lịch. Quan tâm giữ lực lượng lao động du lịch chuyên nghiệp, bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực du lịch bị thiếu hụt lớn và chất lượng giảm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

1.7. Phát triển thị trường, tăng cường xúc tiến, quảng bá và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về du lịch

a. Tập trung phát triển mạnh thị trường du lịch nội địa; nghiên cứu kinh nghiệm các nước về áp dụng mô hình bong bóng du lịch, hộ chiếu vắc xin, đề xuất thiết lập cơ chế hợp tác trao đổi khách quốc tế với các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh để dần phục hồi và phát triển thị trường khách quốc tế.

b. Xây dựng Chiến lược marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030; triển khai các chiến dịch xúc tiến, quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm phù hợp với xu hướng mới của thị trường.

c. Đa dạng hoá các phương thức, công cụ xúc tiến quảng bá, chú trọng triển khai các hoạt động e-marketing. Hỗ trợ các địa phương tiếp cận đẩy mạnh xúc tiến quảng bá, giới thiệu du lịch trên các kênh truyền thông quốc tế.

d. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các cam kết, ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế về du lịch; tận dụng lợi thế các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam là thành viên để phát triển du lịch.

đ. Tập trung triển khai các hoạt động hợp tác phát triển du lịch trong ASEAN về quản lý du lịch an toàn, hỗ trợ phục hồi du lịch trong tình hình mới; triển khai các dự án hợp tác phát triển du lịch và tranh thủ khai thác các nguồn lực quốc tế để phát triển du lịch.

2. Các nhiệm vụ phối hợp thực hiện với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

2.1. Phối hợp với Bộ Tài chính

a. Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ về tài chính và thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển du lịch, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp du lịch và các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19.

b. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách du lịch tại sân bay, nhà ga, cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường biển và các trung tâm mua sắm ở các đô thị để thúc đẩy khách du lịch mua sắm.

c. Xây dựng quy định về cơ sở xác định giá dịch vụ thu phù hợp tại các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, đảm bảo hài hoà lợi ích của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng và khách du lịch.

2.2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a. Lồng ghép các nội dung liên quan đến phát triển du lịch trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong lĩnh vực du lịch.

b. Đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân đầu tư tại các khu vực động lực phát triển du lịch, khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng du lịch; thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao tại các địa bàn du lịch trọng điểm.

c. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho chương trình hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng.

d. Lồng ghép xúc tiến đầu tư với xúc tiến du lịch.

2.3. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

a. Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi cho khách du lịch quốc tế vào Việt Nam; triển khai hiệu quả chính sách thị thực điện tử đối với tất cả thị trường khách quốc tế.

b. Triển khai các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch tại các điểm đến, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

c. Nghiên cứu, đề xuất cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho khách quốc tế vào Việt Nam qua các cửa khẩu đường bộ, đường biển và đường sông.

d. Xây dựng, đề xuất chính sách đặc thù, tạo thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực biên giới, hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.4. Phối hợp với Bộ Nội vụ

a. Đề xuất hoàn thiện hệ thống tổ chức, quản lý ngành du lịch từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong bối cảnh bình thường mới.

b. Đề xuất ban hành chính sách nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển du lịch.

2.5. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải

a. Triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển và đường thủy nội địa để hỗ trợ phát triển du lịch, nhất là tại các địa bàn du lịch trọng điểm.

b. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông tại các khu vực động lực phát triển du lịch; các tuyến đường bộ kết nối với các khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng phát triển du lịch, bảo đảm kết cấu hạ tầng đồng bộ cho các khu du lịch quốc gia; có cơ chế hỗ trợ đầu tư điểm dừng nghỉ trên các tuyến du lịch đường bộ và nâng cao năng lực kết nối phương tiện giao thông công cộng phục vụ phát triển du lịch.

c. Phối hợp với các hãng hàng không để tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam.

2.6. Phối hợp với Bộ Xây dựng

Tiếp tục hoàn thiện các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy chế quản lý, kinh doanh đối với loại hình căn hộ khách sạn (condotel) và kinh doanh du lịch theo mô hình kinh tế chia sẻ; phối hợp thẩm định Quy hoạch chung xây dựng các khu du lịch quốc gia.

2.7. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường

a. Đề xuất chính sách ưu đãi thuế sử dụng đất và tiền thuê đất đối với các dự án du lịch có hệ số sử dụng đất cho xây dựng thấp và hạn chế về chiều cao.

b. Tổ chức tập huấn triển khai các kịch bản ứng phó đối với các trường hợp khẩn cấp liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu tác động đến du lịch.

c. Lồng ghép, tích hợp việc điều tra tài nguyên du lịch với các chương trình điều tra tài nguyên của ngành.

2.8. Phối hợp với Bộ Ngoại giao

a. Tăng cường phối hợp trong công tác xúc tiến quảng bá du lịch thông qua các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

b. Xây dựng, triển khai chương trình phối hợp với cơ quan du lịch quốc gia tại các thị trường trọng điểm, tiềm năng, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Hội người Việt Nam ở nước ngoài.

2.9. Phối hợp với Bộ Công Thương

a. Thu hút đầu tư hình thành mạng lưới trung tâm mua sắm hiện đại tại các khu vực động lực phát triển du lịch.

b. Xây dựng cơ chế khuyến khích cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên tự nhiên.

c. Lồng ghép xúc tiến thương mại với xúc tiến quảng bá du lịch.

d. Triển khai Chương trình thương hiệu quốc gia về du lịch.

đ. Đề xuất triển khai áp dụng giá điện trong cơ sở lưu trú bằng giá điện sản xuất.

2.10. Phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

a. Xây dựng cơ chế hỗ trợ năng lực các cơ sở đào tạo nghề du lịch; triển khai chương trình, đề án hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghiệp vụ lao động nghề du lịch.

b. Thành lập Hội đồng nghề du lịch quốc gia, Hội đồng cấp chứng chỉ nghề du lịch để thực hiện nội dung cam kết trong Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về nghề du lịch trong ASEAN; thành lập Trung tâm thẩm định nghề du lịch.

c. Lòng ghép các đề án, dự án phát triển du lịch trong Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững.

2.11. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo bậc đại học và sau đại học về du lịch; rà soát, bổ sung, điều chỉnh mã ngành, chương trình, giáo trình đào tạo bậc đại học và sau đại học về du lịch.

2.12. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông

a. Đẩy mạnh truyền thông về du lịch; hướng dẫn các cơ quan truyền thông đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về du lịch trong xã hội.

b. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số trong ngành du lịch, hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.

2.13. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ

Xây dựng và ưu tiên triển khai các chương trình, đề tài, đề án ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển du lịch.

2.14. Phối hợp với Bộ Y tế

a. Hướng dẫn quy trình kiểm soát và triển khai tập huấn việc đảm bảo an toàn cho khách du lịch đối với điểm đến du lịch trong trường hợp xảy ra dịch bệnh.

b. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch và trong mùa cao điểm du lịch.

c. Xây dựng chính sách, tiêu chuẩn và hướng dẫn phát triển sản phẩm du lịch y tế, du lịch chăm sóc sức khỏe.

d. Đề xuất áp dụng “hộ chiếu vắc-xin” để thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong điều kiện bình thường mới.

2.15. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Triển khai hiệu quả Chương trình phối hợp xây dựng đời sống văn hóa, phát triển du lịch nông thôn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã được ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b. Tăng cường xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp sạch gắn với phát triển du lịch, mô hình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với phát triển du lịch, xây dựng điểm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp phục vụ khách du lịch.

c. Xây dựng cơ chế chính sách phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.

d. Xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể về cho thuê môi trường rừng phục vụ phát triển du lịch.

2.16. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a. Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ về lãi suất, tín dụng cho doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia kinh doanh du lịch phục hồi hoạt động du lịch sau đại dịch COVID-19.

b. Triển khai các quy định về thanh toán điện tử trong hoạt động du lịch.

2.17. Phối hợp với Ủy ban dân tộc

Lồng ghép và triển khai nội dung du lịch trong các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng.

2.18. Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam

a. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về du lịch qua các kênh truyền thông đại chúng.

b. Tiếp tục tổ chức và nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục du lịch trên các kênh truyền hình và phát thanh.

2.19. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a. Xây dựng, triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch phát triển du lịch ở địa phương.

b. Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch. Hướng dẫn thực hiện các quy định của nhà nước để tăng cường quản lý điểm đến, xây dựng môi trường du lịch thân thiện, lành mạnh và văn minh; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm tại các khu du lịch, điểm du lịch.

c. Hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng; du lịch nông nghiệp, nông thôn; du lịch làng nghề.

d. Thúc đẩy các hoạt động liên kết phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá và thu hút đầu tư du lịch.

đ. Tăng cường đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực du lịch tại chỗ, đảm bảo nhu cầu của doanh nghiệp du lịch theo tình hình mới.

e. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch.

g. Hướng dẫn đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch ở địa phương.

h. Các địa phương tăng cường phối hợp, liên kết, phát huy hiệu quả liên vùng, khai thác tối ưu tiềm năng, thế mạnh của địa phương và của vùng để phát triển du lịch.

2.20. Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Du lịch Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

a. Tổ chức trao đổi, đối thoại với các doanh nghiệp, cộng đồng kinh doanh du lịch để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp hỗ trợ.

b. Đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nhân lực làm việc tại các doanh nghiệp du lịch theo các chuyên đề hàng năm.

c. Phối hợp với Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức các sự kiện du lịch tại Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam (VITM), các sự kiện xúc tiến du lịch trong và ngoài nước, đào tạo nhân lực du lịch và đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp du lịch phục hồi, phát triển do tác động của dịch bệnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trân trọng đề nghị các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp quan tâm, phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để triển khai các nội dung trong Chương trình hành động nhằm phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, phối hợp thực hiện Chương trình hành động, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

3. Các Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung trong Chương trình hành động này, căn cứ điều kiện thực tiễn và tình hình cụ thể của địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Chương trình hành động; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Du lịch) trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

4. Tổng cục Du lịch có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng năm, tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện trình Bộ trưởng.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kiến nghị với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Du lịch) để xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Tổng kết, đánh giá, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển du lịch và tổ chức quản lý du lịch			
1.1	Khảo sát, đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.	Tổng cục Du lịch	Vụ Kế hoạch, Tài chính; cơ quan chức năng của các Bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW	2022
1.2	Lập Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Du lịch	Vụ Kế hoạch, Tài chính; cơ quan chức năng của các bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố	2021-2022
1.3	Khảo sát, đánh giá kết quả 05 năm (giai đoạn 2021 – 2025) thực hiện Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.	Tổng cục Du lịch	Các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Bộ, Sở Du lịch, Sở VHTTDL/VHTTTDL	1/2025 -12/2025
1.4	Xây dựng quy định và hướng dẫn áp dụng một số mô hình kinh tế mới trong lĩnh vực du lịch: kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn; tiêu chuẩn, quy định quản lý kinh doanh loại hình du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch cắm trại dã ngoại, du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch mạo hiểm và một số loại hình du lịch mới.	Tổng cục Du lịch	Các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Bộ, Sở Du lịch, Sở VHTTDL/VHTTTDL	2022-2025
1.5	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ an toàn, chủ động thích ứng có hiệu quả với BĐKH, môi trường và dịch bệnh tại các khu, điểm du lịch.	Tổng cục Du lịch	Vụ KHCN&MT, cơ quan chức năng của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế	2023-2025

TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
2	Ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, công nghệ số trong ngành du lịch			
2.1	Chương trình trọng điểm cấp Bộ: “Chuyển đổi số trong ngành du lịch”.	Tổng cục Du lịch	Sở Du lịch, Sở VHTTDL/VHTTTTDL, doanh nghiệp du lịch	2021-2025
3	Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch			
3.1	Chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn tại một số tỉnh biên giới phía Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long.	Tổng cục Du lịch	Các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Bộ VHTT&DL, các địa phương được lựa chọn.	2022-2025
4	Phát triển sản phẩm du lịch và quản lý chất lượng dịch vụ du lịch			
4.1	Đề án phát triển du lịch biển, đảo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Tổng cục Du lịch	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ CA, Bộ QP, Bộ NG, các Sở DL, Sở VHTTDL/VHTTTTDL tại các địa phương có biển	2021-2022
4.2	Đề án tổng thể phát triển du lịch tại 07 khu vực động lực phát triển du lịch đến năm 2030 (mỗi khu vực động lực 1 đề án riêng)	Tổng cục Du lịch	Các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Bộ, Sở Du lịch, Sở VHTTDL/VHTTTTDL	2022-2025
4.3	Đề án phát triển sản phẩm du lịch về đêm: thí điểm tại một số trung tâm du lịch lớn.	Tổng cục Du lịch	Sở DL/Sở VHTTDL/VHTTTTDL	1/2022 – 6/2023
5	Hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi, phát triển sau đại dịch COVID-19			
5.1	Triển khai Chương trình kích cầu, phục hồi và phát triển thị trường du lịch nội địa, xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới thị trường quốc tế trong và sau đại dịch COVID-19.	Tổng cục Du lịch	Hiệp hội DLVN, Sở Du lịch/Sở VHTTDL/VHTTTTDL	2021-2025
5.2	Chương trình tập huấn nâng cao năng lực của doanh nghiệp du lịch Việt Nam để phục hồi sau đại dịch COVID-19.	Tổng cục Du lịch	Sở Du lịch, Sở VHTTDL/Sở VHTTTTDL, Hiệp hội DLVN, doanh nghiệp DL, cơ sở đào tạo	2021-2022

TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan/đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
			nghề du lịch	
6	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thị trường lao động du lịch bền vững			
6.1	Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.	Tổng cục Du lịch	Vụ Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề (Bộ LĐTĐ), Sở DL, Sở VHTTDL/ VHTTTTDL, Hiệp hội DLVN, doanh nghiệp DL, cơ sở đào tạo nghề du lịch, các địa phương	2022-2025
6.2	Chương trình bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch và ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực lao động nghề du lịch và nhân lực quản lý nhà nước về du lịch.	Tổng cục Du lịch	Vụ Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề (Bộ LĐTĐ), Sở DL/ Sở VHTTDL/VHTTTTDL, Hiệp hội DLVN, doanh nghiệp DL, cơ sở đào tạo du lịch, các địa phương	2022-2025
6.3	Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam chất lượng cao.	Tổng cục Du lịch	Vụ Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề (Bộ LĐTĐ), Sở DL, Sở VHTTDL/VHTTTTDL, Hiệp hội DLVN, doanh nghiệp DL, cơ sở đào tạo nghề du lịch, các địa phương.	2022-2023
7	Phát triển thị trường và xúc tiến, quảng bá du lịch			
7.1	Đề án “Chiến lược marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030”.	Tổng cục Du lịch	Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Sở Du lịch, Sở VHTTDL/VHTTTTDL, doanh nghiệp du lịch	2021 –2022
7.2	Đề án tăng cường truyền thông du lịch Việt Nam an toàn, hấp dẫn.	Tổng cục Du lịch	Sở Du lịch, Sở VHTTDL/ VHTTTTDL, doanh nghiệp du lịch, cơ quan báo chí.	2021